

# XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ Ở VIỆT NAM

THS. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG (\*)

THS. NGUYỄN PHÚ HIẾN (\*\*)

**Tóm tắt:** Triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số là xu hướng tất yếu để nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Chính phủ, nhằm đẩy lùi nạn tham nhũng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Bài viết phân tích, đánh giá chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về vấn đề này qua từng giai đoạn, đề xuất một số giải pháp góp phần xây dựng, phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số ở nước ta trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Công nghệ thông tin; chính phủ điện tử; chính phủ số.

**Abstract:** Implementing e-Government, digital government is an inevitable trend to increase the transparency in the operation of the Government, and to combat against and prevent from corruption, further contributing to socio-economic development. This paper analyzes and evaluates the stances, policies of the Party and laws of the State on this matter over different stages, and proposes a number of solutions to contribute to the construction and development of e-Government, digital government in the upcoming time.

**Keywords:** Information technology; e-Government; digital government.

Ngày nhận bài: 15/8/2018 Ngày biên tập: 18/12/2018 Ngày duyệt đăng: 17/01/2019

**P**hát triển chính phủ điện tử (CPĐT) là xu thế tất yếu, là mô hình phổ biến của nhiều quốc gia hiện nay. Có nhiều định nghĩa khác nhau về CPĐT, nhưng đều có tính chất chung: "Chính phủ điện tử là chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp".

Ngay từ thập niên 90 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra các chủ trương, chính sách thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong mỗi giai đoạn, căn cứ điều kiện thực tế, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT trong hoạt

động của cơ quan nhà nước, hướng tới phát triển CPĐT.

*Giai đoạn 1994-2000:* là thời gian bắt đầu tin học hóa hoạt động của cơ quan nhà nước. Trong giai đoạn này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 49/CP ngày 04/8/1993 về phát triển CNTT, xác định những mục tiêu chính của ứng dụng CNTT là: xây dựng hệ thống các máy tính và các phương tiện truyền thông được liên kết với nhau trong các mạng với những công cụ phần mềm đủ mạnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có khả năng phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước và các hoạt động huyết mạch của nền kinh tế; phát triển rộng rãi việc ứng dụng CNTT góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hiện đại hoá dần các ngành sản xuất, dịch vụ quan trọng và an ninh, quốc phòng. Tăng cường ứng dụng CNTT trong các hoạt động điều tra cơ bản, thăm dò khảo sát tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác; phổ cập "văn hoá thông tin" trong xã hội nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc chuẩn bị hướng tới một "xã hội thông tin".

(\*) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Thông tin và Truyền thông

(\*\*) Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông

Ngày 07/4/1995, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 211/TTG phê duyệt Chương trình quốc gia về CNTT- Kế hoạch tổng thể đến năm 2000 nhằm triển khai Nghị quyết số 49/CP của Chính phủ. Chương trình đã xác định các dự án chủ chốt nhằm tin học hóa quản lý nhà nước. Trong giai đoạn này, ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã đạt được các kết quả: trang bị máy tính, nối mạng, đào tạo cán bộ sử dụng máy tính, tạo tiền đề cho ứng dụng CNTT ở các giai đoạn tiếp theo.

**Giai đoạn 2001-2006:** là giai đoạn đẩy mạnh tin học hóa hoạt động của cơ quan nhà nước. Ngày 17/10/2000, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 58-CT/TW về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Trong đó, xác định mục tiêu: "CNTT được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng". Thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TW, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 112/2001/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005; Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58-CT/TW; Quyết định số 95/2002/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển CNTT ở Việt Nam đến năm 2005. Các quyết định nêu trên đều xác định ứng dụng CNTT là nhiệm vụ hàng đầu, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, với các nội dung chủ yếu là: phát triển mạng viễn thông và Internet tiên tiến, nâng cấp mạng tin học diện rộng của Chính phủ; xây dựng các hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, trước hết là ở những bộ, ngành trọng điểm để sử dụng chung; tin học hoá các dịch vụ công nhằm nâng cao năng lực của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc phục vụ nhân dân và doanh nghiệp thuận tiện, nhanh gọn và bảo đảm chất lượng; triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành như ngân hàng, tài chính,

hải quan, thống kê, an ninh, quốc phòng. Kết quả chính của giai đoạn này là: bắt đầu triển khai tin học hóa một số hoạt động quản lý hành chính bằng việc xây dựng các phần mềm dùng chung trong các cơ quan nhà nước, nâng cấp mạng diện rộng của Chính phủ, đào tạo CNTT cho cán bộ, công chức, bắt đầu xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia.

**Giai đoạn từ năm 2007 đến nay:** là giai đoạn triển khai các chương trình, kế hoạch quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Để tiếp tục kiện toàn hệ thống văn bản, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới xây dựng CPĐT, trong giai đoạn này Chính phủ đã ban hành các văn bản quan trọng, cụ thể: Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008 (Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg); giai đoạn 2009-2010 (Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg); ban hành Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 1605/QĐ-TTg); giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1819/QĐ-TTg); Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về CPĐT. Nội dung định hướng chính cho phát triển CPĐT tại các văn bản gần đây là: tiếp tục phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia tạo nền tảng cho CPĐT; phát triển các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (mức độ 3, mức độ 4); ứng dụng CNTT tại các bộ phận một cửa, một cửa liên thông các cấp.

Hiện nay, hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng CPĐT của các bộ, ngành, địa phương đã đem lại một số kết quả, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, cụ thể là:

**Về ứng dụng CNTT cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** phần lớn các bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành gồm trên 1.400 dịch vụ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là hơn 22.700 dịch vụ. Một số bộ, ngành, địa phương có số hồ sơ trực tuyến phát sinh nhiều từ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, điển hình là:

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với gần 200 triệu hồ sơ (mỗi dịch vụ công có trên 80% hồ sơ trực tuyến); Bộ Tài chính trên 20 triệu hồ sơ (mức độ 4 gần 14 nghìn); Bộ Công Thương gần 1,4 triệu hồ sơ; Bộ Ngoại giao trên 800 nghìn hồ sơ; Bộ Thông tin và Truyền thông gần 200 nghìn hồ sơ; thành phố Hà Nội trên 520 nghìn hồ sơ; thành phố Hồ Chí Minh trên 240 nghìn hồ sơ; tỉnh Lâm Đồng trên 110 nghìn hồ sơ; thành phố Đà Nẵng trên 77 nghìn hồ sơ;... Với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, người dân và doanh nghiệp đã giảm được nhiều thời gian khi thực hiện các thủ tục hành chính, hạn chế đi lại, giao dịch trực tiếp với cơ quan nhà nước. Điển hình như việc các doanh nghiệp hoạt động xuất - nhập khẩu khi tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo cơ chế một cửa quốc gia chỉ cần khai báo, cung cấp thông tin doanh nghiệp qua một đầu mối là Tổng cục Hải quan, các giấy phép, giấy chứng nhận khác liên quan mà doanh nghiệp cần được thực hiện giữa các bộ và cơ quan hải quan theo cơ chế một cửa quốc gia.

**Về công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** thông tin về các văn bản pháp luật, các quy định, chính sách của Nhà nước, thông tin về hoạt động điều hành, giải quyết thủ tục hành chính,... của cơ quan nhà nước được các bộ, ngành, địa phương duy trì, cập nhật thường xuyên trên trang thông tin và cổng thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, đã trở thành kênh thông tin quan trọng để cơ quan nhà nước truyền tải các văn bản pháp luật, chính sách của Nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp và ngược lại, người dân, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt thông tin, chủ động tra cứu, tìm hiểu các quy định, chính sách, kết quả giải quyết thủ tục hành chính liên quan giúp cho việc tương tác giữa người dân và doanh nghiệp kịp thời, thuận tiện.

**Về ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước:** hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai tại 100% các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời, để hướng tới sử dụng văn bản điện tử thay thế văn bản giấy, nhiều bộ, ngành, địa phương đã triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng. Hệ thống thư

điện tử được các bộ, ngành, địa phương triển khai, duy trì hoạt động ổn định và cấp hợp thư cho hầu hết các bộ, công chức để sử dụng trong công việc. Cụ thể, các bộ, ngành có 98,8% cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử; đối với các tỉnh, thành phố, tỷ lệ này đạt trên 82%.

**Về hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT:** trang bị máy tính làm việc, kết nối mạng LAN, kết nối internet để phục vụ khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng và trao đổi thông tin tại các cơ quan nhà nước cơ bản đáp ứng nhu cầu. Tỷ lệ trang bị máy tính cho cán bộ, công chức tại các cơ quan tuyến quận, huyện, xã, phường là hơn 95%. Hệ thống mạng diện rộng WAN tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương triển khai, duy trì hoạt động, trên 95% cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành và gần 80% các cơ quan, đơn vị cấp sở, ngành, quận, huyện được kết nối phục vụ nhu cầu trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Trung tâm dữ liệu, trang thiết bị bảo đảm an toàn thông tin được các bộ, ngành, địa phương quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu triển khai tập trung, quản trị, duy trì các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng hiệu quả. Trung bình gần 95% bộ, ngành (18 bộ); trên 85% tỉnh, thành phố (54 tỉnh, thành phố) đã xây dựng Trung tâm dữ liệu tập trung ở các quy mô khác nhau. Ngoài ra, các bộ, ngành, địa phương cũng đã ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong quá trình triển khai hoạt động ứng dụng CNTT (như điện toán đám mây, dữ liệu lớn...).

**Về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT:** đội ngũ công chức chuyên trách CNTT tại các cơ quan nhà nước phần lớn có trình độ đại học trở lên (các bộ, ngành trên 90%; các tỉnh, thành phố trên 88%) và thường xuyên được các cơ quan quản lý tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng CNTT. Nhân lực khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng tại các bộ, ngành, địa phương thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc (trung bình trên 98%).

Tuy nhiên, qua thực tế hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng CPĐT còn nhiều hạn chế, bất cập như: vẫn còn rào cản trong cơ chế đầu tư ứng dụng CNTT; việc triển khai ở nhiều nơi

còn mang tính hình thức; xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, hạ tầng CNTT làm nền tảng phục vụ phát triển CPĐT còn chậm; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu còn cục bộ, thiếu sự kết nối, chia sẻ dữ liệu trên diện rộng, quy mô quốc gia; nhiều hệ thống thông tin đã triển khai chưa bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia, nộp hồ sơ trực tuyến còn thấp; việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ công việc trực tuyến chưa cao; đội ngũ cán bộ CNTT chưa đồng đều về số lượng và chất lượng, chưa đảm bảo khả năng triển khai các ứng dụng CNTT diện rộng, quy mô quốc gia...

Nguyên nhân của hạn chế, bất cập nêu trên là: kinh phí cho hoạt động ứng dụng CNTT chưa bảo đảm đáp ứng nhu cầu, chưa kịp thời, không ổn định, chưa tương xứng với hiệu quả của ứng dụng CNTT; người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước hoặc chỉ đạo thiếu quyết liệt, thiếu gương mẫu trong khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin đã được triển khai; các cơ sở dữ liệu quốc gia chậm được triển khai hoặc được triển khai thiếu sự kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên diện rộng; còn thiếu một số văn bản pháp lý tạo điều kiện cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 vẫn chưa quan tâm thỏa đáng tới chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó, công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế; người dân chưa có thói quen sử dụng dịch vụ cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường điện tử. Cán bộ, công chức một số nơi vẫn có thói quen làm việc dựa trên giấy tờ, không tích cực sử dụng các hệ thống thông tin trên môi trường điện tử. Hoạt động ứng dụng CNTT và cải cách hành chính nhiều nơi còn thiếu gắn kết...

Để tiếp tục phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những hạn chế vượt qua những khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai và phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính trong triển khai xây dựng, phát triển CPĐT, trong thời gian tới, các bộ, ngành,

địa phương cần tiếp tục quán triệt và thực hiện một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, kế thừa, phát triển các chương trình ứng dụng CNTT, xây dựng CPĐT theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển của thế giới. Người đứng đầu các cơ quan nhà nước phải chỉ đạo trực tiếp, ưu tiên nguồn lực, gương mẫu ứng dụng CNTT, xây dựng CPĐT, hướng tới chính phủ số.

*Thứ hai*, xây dựng CPĐT theo hướng đổi mới phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; sử dụng được các dịch vụ công và các hệ thống thông tin giao tiếp với người dân, doanh nghiệp của Chính phủ trên các phương tiện hiện đại như điện thoại di động, máy tính bảng...; hướng tới phát triển dữ liệu mở phục vụ nền kinh tế số, xã hội số.

*Thứ ba*, xây dựng CPĐT trên cơ sở thiết kế kiến trúc đầy đủ, thực hiện tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu, tạo ra các dịch vụ nền tảng dùng chung cho toàn hệ thống từ Trung ương đến địa phương. Trên quy mô toàn quốc, sẽ đẩy nhanh triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia ưu tiên tạo nền tảng phát triển CPĐT, điển hình là về lĩnh vực dân cư, đất đai quốc gia, tài chính, bảo hiểm,...

*Thứ tư*, tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý tạo nền tảng phát triển CPĐT, trong đó tập trung các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động của cơ quan nhà nước; về định danh điện tử của cá nhân, tổ chức; về quản lý, trao đổi, lưu trữ văn bản điện tử trên môi trường mạng;...

*Thứ năm*, tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng trong xây dựng, phát triển CPĐT.

*Thứ sáu*, tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển CPĐT; tranh thủ sự đồng thuận của người dân, toàn xã hội, chú trọng vào công tác truyền thông nâng cao nhận thức của toàn dân về lợi ích của việc xây dựng CPĐT hướng tới chính phủ số.

*Thứ bảy*, tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm xây dựng CPĐT, chính phủ số thành công của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới để áp dụng vào thực tiễn phát triển của Việt Nam./